

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/HS-ST

Ngày 25 – 6 – 2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Đoan Trang

Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Đình Chúc

Bà Đỗ Thị Kim Thúy

Ông Nguyễn Vinh Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2026/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Bùi Ngọc Á, sinh ngày 12/7/1977 tại Phú Thọ. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: **Thôn K, xã S, tỉnh Phú Thọ**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; số CCCD: 026077002300 cấp ngày 12/8/2021 tại **Cục C2** về TTXH; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Đắc L** (đã chết) và bà **Bùi Thị H**; có vợ là **Bùi Thị Thúy V** và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/01/2026, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 **Công an tỉnh P**, (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Nguyễn Thị Kim Q** - Luật sư thuộc **Văn phòng L1** – Đoàn luật sư tỉnh **P**; địa chỉ: **Thôn Y, xã Y, tỉnh Phú Thọ**, (có mặt).

- Bị hại: Anh **Nguyễn Quang C**, sinh năm 1983; cư trú tại: **Thôn Y, xã H, tỉnh Phú Thọ**, (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1979; cư trú tại: **Thôn K, xã S, tỉnh Phú Thọ**, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Ngọc Á và Nguyễn Văn C1 (sinh năm 1990, trú tại thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ) có mối quan hệ bạn bè xã hội với nhau. Vào khoảng cuối tháng 01 năm 2024, thông qua sự giới thiệu của anh Nguyễn Văn C1, anh Nguyễn Quang C tìm đến gặp và làm quen với Bùi Ngọc Á. Sau khi gặp nhau, anh C nói mình có em vợ tên là Hà Trung H1 (sinh năm 1985, trú tại: Thôn Y, xã H, tỉnh Phú Thọ) đang bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N khởi tố bị can và tạm giam về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”, anh C nhờ Bùi Ngọc Á xem có quen biết ai có thể lo cho H1 được tại ngoại và hưởng án treo không, Á đồng ý.

Sau đó Bùi Ngọc Á đã gọi điện thoại cho anh Lê Ngọc T (sinh năm 1978, trú tại: Tổ dân phố H, phường H, tỉnh Ninh Bình, công tác tại Trại giam N) là bạn đồng ngũ huấn luyện nghĩa vụ quân sự năm 1997 cùng với Á, Á nhờ T xem có giúp được trường hợp của Hà Trung H1 không. Anh Lê Ngọc T nói không giúp được.

Sau đó, theo lời khai của Bùi Ngọc Á, Á gọi điện thoại cho anh Khương Xuân T1 (sinh năm 1978, trú tại: Tổ dân phố K, phường H, tỉnh Ninh Bình, đang công tác tại Trại giam N) cũng là bạn cùng khóa huấn luyện với Á và Lê Ngọc T, Á nói có việc đi qua Ninh Bình muốn anh em gặp nhau có việc muốn nhờ, anh Khương Xuân T1 đồng ý mời Á xuống Ninh Bình giao lưu rồi nói chuyện.

Khoảng vài hôm sau Bùi Ngọc Á cùng với anh Nguyễn Văn C1, anh Nguyễn Quang C thuê xe ô tô đi xuống Ninh Bình để gặp Khương Xuân T1. Anh Khương Xuân T1 có rủ một số người bạn của mình đến chơi, sau đó mọi người cùng đến quán L2, địa chỉ: Phố C, phường H, tỉnh Ninh Bình để ăn cơm. Sau khi ăn uống xong, Bùi Ngọc Á gặp riêng Khương Xuân T1 và nhờ anh T1 giúp H2 Trung Hòa theo đề nghị của anh Nguyễn Quang C. Nghe thấy vậy, anh T1 từ chối vì không có khả năng giúp được cho Á.

Lúc này Bùi Ngọc Á đang làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều nên Á đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh C (Á khai sẽ dùng tiền của anh C để sử dụng trước sau đó đến cuối năm quyết toán công trình Á sẽ trả lại cho C sau). Do đó, mặc dù không có chức vụ quyền hạn cũng như khả năng giúp cho anh C, nhưng trên đường đi về Bùi Ngọc Á vẫn nói với C là sẽ lo được cho Hà Trung H1 tại ngoại và hưởng án treo với mức tiền là 800.000.000 đồng, và bảo anh C chuẩn bị tiền lúc nào Á điện thì chuyển tiền cho Á.

Sau đó đến ngày 27/01/2024, Á gọi điện bảo anh Nguyễn Quang C yêu cầu anh C chuyển tiền cho Á. Anh C đồng ý và trong các ngày 27/01/2024, 06/02/2024 và ngày 17/4/2024 anh C đã chuyển tổng số tiền 800.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân của anh C (ngân hàng V1) đến số tài khoản 2222122071977 của ngân hàng M (tài khoản ngân hàng đứng tên Á do Á cung cấp). Cụ thể: Ngày 27/01/2024 anh C chuyển cho Á 400.000.000 đồng; ngày 06/02/2024 anh C

chuyển cho **A** 300.000.000 đồng; ngày 17/4/2024 anh **C** chuyển cho **A** 100.000.000 đồng.

Sau khi nhận được 800.000.000 đồng từ anh **C**, **Bùi Ngọc Á** không chuyển tiền cho ai để lo tại ngoại và án treo cho **Hà Trung H1**, mà **Á** sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Sau đó vài tháng, **Nguyễn Quang C** thấy **Hà Trung H1** không được tại ngoại nên đã yêu cầu **Á** lại trả tiền, do không có tiền để trả, nên **Á** nói với anh **C** tiền đã được chuyển cho người dưới tỉnh Ninh Bình nên chưa rút được ngay về. Ngày 03/9/2024, **Bùi Ngọc Á** viết 01 giấy hẹn cho anh **C** với nội dung ngày 10/9/2024 sẽ trả cho anh **C** số tiền 800.000.000 đồng. Đến ngày 29/10/2024 **Á** chuyển khoản trả cho anh **C** số tiền 100.000.000 đồng, ngày 01/11/2024 **Á** chuyển khoản trả cho anh **C** số tiền 100.000.000 đồng, (Tổng hai lần là 200.000.000 đồng).

Ngày 14/01/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã đưa vụ án “Mua bán người dưới 16 tuổi” ra xét xử và tuyên **Hà Trung H1** 13 năm tù giam. Do thấy **H1** đã bị xử tù giam, đồng thời chưa đòi lại đủ số tiền 800.000.000 đồng mà mình đã đưa cho **Á**, nên ngày 27/6/2025 anh **Nguyễn Quang C** đã có đơn tố giác **Á** đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh V** (nay là **Công an tỉnh P**) để xử lý về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 13/10/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh P** ra Quyết định khởi tố vụ án, ngày 05/01/2026 ra Quyết định khởi tố bị can, bắt tạm giam **Bùi Ngọc Á** để điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 19/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh P** có Quyết định trưng cầu giám định số A4871/QĐ-VPCQCSĐT, giám định 01 USB 8GB TOSHIBA do **Nguyễn Quang C** giao nộp (Nội dung chứa video mà **C** quay được khi đến nhà **Bùi Ngọc Á** đòi tiền).

Tại bản kết luận giám định số 3022/KL-KTHS, ngày 31/10/2025, của **Phòng K Công an tỉnh P** xác định:

“- Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung hình ảnh trong tệp video gửi giám định.

- 01 tệp video gửi giám định được sao lưu vào 01 đĩa DVD”.

Ngày 29/10/2025, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh P** có Quyết định Trưng cầu giám định tài liệu số A6839/QĐ-VPCQCSĐT đối với 01 giấy hẹn ghi ngày 03/09/2024.

Tại bản Kết luận giám định số 3537/KL-KTHS ngày 28/11/2025 của **Phòng K Công an tỉnh P** xác định:

“*Chữ viết (trừ chữ viết có nội dung "người làm chứng", "**Hà Trung D**"), chữ ký đứng tên **Bùi Ngọc Á** dưới mục "Người viết giấy" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết, chữ ký của **Bùi Ngọc Á** trên mẫu so sánh ký hiệu M1 do cùng một người viết, ký ra.*

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Hà Trung D dưới mục "người làm chứng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Bùi Ngọc Á trên mẫu so sánh ký hiệu M1 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Chữ viết có nội dung "người làm chứng", "Hà Trung D" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Bùi Ngọc Á trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người viết ra."

Ngày 02/02/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số A1286/QĐ-VPCQCSĐT, giám định 01 điện thoại di động thu giữ của Bùi Ngọc Á.

Tại bản kết luận giám định số 1476/KL-KTHS, ngày 20/3/2026, của Phòng K Công an tỉnh P xác định:

"Không trích xuất được dữ liệu từ điện thoại di động gửi giám định do điện thoại yêu cầu xác thực bảo mật Face ID khi thiết lập kết nối với thiết bị trích xuất dữ liệu".

Tại bản Cáo trạng số: 151/CT-VKS-P2 ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo Bùi Ngọc Á về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Á từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc Á đồng ý với tội danh, điều luật áp dụng dành cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất dưới khung hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp

[2]. Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật, có đủ cơ sở kết luận:

Đầu năm 2024, thông qua mối quan hệ xã hội, anh Nguyễn Quang C đã tìm đến gặp Bùi Ngọc Á để nhờ Á lo tại ngoại, án treo cho em vợ của mình là Hà Trung H1 (hiện đang bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N khởi tố, bắt giam về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”). Mặc dù bản thân là người lao động tự do, không có chức vụ, quyền hạn, cũng như không có mối quan hệ nào để lo việc cho Hà Trung H1 theo như đề nghị của anh Nguyễn Quang C, nhưng Á vẫn nhận lời. Để tạo niềm tin cho anh C, Á đã đưa anh C đi gặp bạn mình là anh Khương Xuân T1 (công tác tại Trại giam N, tỉnh Ninh Bình). Mặc dù anh T1 từ chối giúp Á nhưng Á vẫn nói với C sẽ lo được việc và yêu cầu anh Nguyễn Quang C phải chuyển cho Á 800.000.000 đồng. Do tin tưởng vào các thông tin gian dối mà Á đưa ra, trong các ngày 27/01/2024, 06/02/2024 và ngày 17/4/2024 anh C đã chuyển tổng số tiền 800.000.000 đồng vào tài khoản của Á để nhờ Á lo việc cho Hà Trung H1. Sau khi nhận được số tiền trên, Á đã sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt lên đến 800.000.000 đồng của Bùi Ngọc Á đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Do vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Bùi Ngọc Á về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[3]. Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và uy tín của cơ quan tiến hành tố tụng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, do vậy cần xử lý nghiêm minh để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Xét nhân thân cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận thức được hành vi của mình là phạm pháp song do tham lam tư lợi nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Khi xem xét lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy: Trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại và được bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự. Ngoài ra bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng, tham gia kháng chiến và được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ

vang hạng nhất, hạng nhì, hạng ba. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào; được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy có đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe và phòng ngừa chung, giúp bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[5]. Trong vụ án này, anh Nguyễn Quang C là bị hại nhưng đồng thời cũng là người đã chuyển cho Á số tiền 800.000.000 đồng với mục đích để chạy án. Hành vi của Nguyễn Quang C có dấu hiệu của tội “đưa hối lộ”. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định, anh C không có động cơ vụ lợi, chỉ xuất phát từ tình cảm gia đình nên đã thực hiện hành vi sai phạm. Bản thân anh C khi nhận thức được sai phạm đã chủ động viết đơn tố cáo hành vi của Á đến Cơ quan Công an. Vì vậy việc Cơ quan Điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Quang C trong vụ án là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Văn C1 là người giới thiệu cho Nguyễn Quang C đến gặp Bùi Ngọc Á, quá trình điều tra xác định anh C1 không biết, không tham gia bàn bạc gì với Bùi Ngọc Á để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh C, do đó Cơ quan Điều tra không đề cập xử lý đối với anh C1 là phù hợp.

Đối với anh Lê Ngọc T và anh Khương Xuân T1 là bạn đồng ngũ với Á, sau khi được Á liên hệ nhờ lo việc cho Hà Trung H1 thì cả hai không đồng ý, quá trình điều tra xác định anh Lê Ngọc T và anh Khương Xuân T1 không biết, không bàn bạc thống nhất hay ăn chia hưởng lợi gì với Bùi Ngọc Á trong hành vi phạm tội, nên Cơ quan Điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với những người như anh Nguyễn Văn T2 (là người được anh C thuê chở Á cùng mọi người đến tỉnh Ninh Bình), anh Dương Đức H3 (bạn của anh Khương Xuân T1, có ngồi cùng ăn cơm với Á tại Ninh Bình), Cơ quan Điều tra xác định anh T2, anh H3 không biết, không liên quan gì đến hành vi phạm tội của Á, nên không đề cập xử lý.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi chiếm đoạt số tiền 800.000.000 đồng của anh Nguyễn Quang C, trong các ngày 29/10/2024, 01/11/2024 và 06/01/2026 Bùi Ngọc Á đã trả cho anh C tổng số tiền 400.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Á đã nhờ em trai là anh Bùi Văn Đ khắc phục hậu quả cho anh C số tiền 400.000.000 đồng. Đến nay anh C đã nhận đủ số tiền 800.000.000 đồng mà Á đã chiếm đoạt của mình, hiện anh C không có yêu cầu đề nghị gì khác, đồng thời anh C có đơn đề nghị xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Bùi Ngọc Á nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề trách nhiệm dân sự.

[7]. Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số IMEI1: 89840200021431168100, IMEI 2: 35531954985629, bên trong lắp sim số 0982.225.469 của **Bùi Ngọc Á** mà Cơ quan điều tra đã tạm giữ, quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại này **Á** mới sử dụng sau khi chiếc điện thoại dùng để liên hệ với anh **C** bị hỏng, do vậy chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của **Á** nên cần trả lại cho **Á** nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[9]. Về án phí: Bị cáo **Bùi Ngọc Á** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lý do nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Ngọc Á** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174 ; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi Ngọc Á** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam, 06/01/2026.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho **Bùi Ngọc Á** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số IMEI1: 89840200021431168100, IMEI 2: 35531954985629, trong có lắp 01 sim điện thoại số 0982.225.469 nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng ngày 04/6/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ và Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Bị cáo **Bùi Ngọc Á** phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP; THAHS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Đoan Trang